

Số: 90/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

V/v Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Tuấn Em.

Thư ký phiên họp: Bà Thái Ngọc Thanh Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số 101/2026/QĐST-VHNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Lã Thanh N, sinh năm 2004.

HKTT: Số E, khóm C, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 354/4, đường A, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1950.

2.2. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Số E, khu phố C, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên họp, chị N, ông T, bà B vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Người yêu cầu chị Lã Thanh N có đơn xin vắng mặt, theo đơn yêu cầu ngày 20 tháng 5 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết có ý kiến trình bày:

Vào năm 2009 chị N được ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B nhận làm con nuôi, việc nhận con nuôi có Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân phường A, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp (nay là UBND phường S,

tỉnh Đồng Tháp). Thời điểm chị N được ông T, bà B nhận làm con nuôi thì chị N mới 05 tuổi. Việc chị N được ông T, bà B nhận làm con nuôi thì cha mẹ ruột chị N cũng đồng ý. Lý do ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi là do gia đình cha mẹ ruột chị N là ông Lã Văn Đ, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B là chỗ quen biết, ông T, bà B thấy hoàn cảnh gia đình chị N khó khăn, cha mẹ chị N đi làm ăn xa, chị N bị ốm yếu nên đề nghị với cha mẹ ruột chị N cho ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi để chăm sóc, cho học hành sau này trưởng thành sẽ trả lại cho mẹ ruột chị N nên cha mẹ ruột chị N đồng ý. Trong thời gian được ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi thì ông T, bà B đối xử, chăm sóc chị N rất tốt, cho chị N đi học. Sau khi ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi, thì họ tên chị N trong giấy khai sinh không có thay đổi, chị N vẫn giữ họ tên theo giấy khai sinh, vẫn lấy họ của cha mẹ ruột. Nay do chị N đã lớn, trưởng thành, tự lao động được nên chị N yêu cầu chấm dứt việc nhận con nuôi giữa chị N và ông T, bà B, để chị N về nhà cha mẹ ruột chị N sinh sống, sau này trong khả năng của chị N sẽ cố gắng chăm sóc cha mẹ ruột. Trong trường hợp Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa chị N với ông T, bà B thì chị N không có yêu cầu gì đối với ông T, bà B và ông T, bà B cũng không giữ tài sản gì của chị N và chị N cũng không có đóng góp công sức, tiền bạc gì vào tài sản của ông T, bà B.

Nay chị N yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa chị Lã Thanh N và ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày:

Vào năm 2009, vợ chồng ông T, bà B có nhận chị Lã Thanh N làm con nuôi, việc nhận con nuôi có Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp (nay là UBND phường S, tỉnh Đồng Tháp). Thời điểm vợ chồng ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi thì N mới chỉ 05 tuổi. Lý do ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi là do gia đình chị N trước đây gặp khó khăn, chị N ốm yếu nên ông T, bà B thấy hoàn cảnh gia đình chị N nên nhận chị N làm con nuôi, để chăm sóc chị N, việc nhận chị N làm con nuôi cũng được sự đồng ý của cha mẹ ruột của chị N. Từ khi ông T, bà B nhận chị N làm con nuôi đến nay chị N 22 tuổi thì chị Ngọc N1, hiểu chuyện, đối xử tốt với vợ chồng ông T, bà B. Trong trường hợp Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi với chị N thì ông T, bà B không có yêu cầu gì đối với chị N, ông T, bà B không có cho N tài sản, nên ông T, bà B yêu cầu N trả lại tài sản.

Nay ông T, bà B thống nhất với yêu cầu của chị N, đồng ý chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông T, bà B và chị Lã Thanh N.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp:

Về tố tụng: Tại phiên họp hôm nay, Thẩm phán giải quyết việc hôn nhân gia đình, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự về thủ tục tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 73, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 21, 22, 25, 26 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lã Thanh N: Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B và chị Lã Thanh N, sinh ngày 12/4/2004 (theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 03/QĐ.UBND ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân phường A, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Về lệ phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên thu mức lệ phí đúng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở Đơn yêu cầu của người yêu cầu xác định đây là yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi. Chị Lã Thanh N yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với ông Nguyễn Hồng T và bà Trịnh Thị B, có địa chỉ tại số E, khu phố C, phường S, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 5 Điều 29, Điều 35 điểm 1 khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

[2]. Các đương sự chị N, ông T, bà B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên họp, nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt đương sự chị N, ông T, bà B theo quy định.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 03/QĐ.UBND ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã S (sau này là thành phố S), tỉnh Đồng Tháp (nay là Phường S, tỉnh Đồng Tháp) thể hiện: Chị Lã Thanh N, sinh ngày 12/4/2004 là con nuôi của ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B, được công nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20-7-2009. Tính đến thời điểm chị Lã Thanh N nộp đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là ngày 17-6-2026 thì chị Lã Thanh N đã trên 18 tuổi nên theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Dân sự, chị Lã Thanh N là người thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

[3.2]. Căn cứ lời khai của chị Lã Thanh N và ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B thể hiện các đương sự đều tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Từ các nội dung trên, có căn cứ để khẳng định yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị Lã Thanh N là phù hợp với quy định tại Điều 25 Luật Nuôi con nuôi nên được chấp nhận.

[3]. Các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và tài sản riêng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Lã Thanh N phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 361, 367, 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 20 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 10, 25, 27 Luật Nuôi con nuôi;
- Căn cứ Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa con nuôi Lã Thanh N với cha mẹ nuôi ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B. Quyền và nghĩa vụ giữa con nuôi Lã Thanh N với cha mẹ nuôi ông Nguyễn Hồng T, bà Trịnh Thị B chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Lệ phí giải quyết sơ thẩm việc hôn nhân gia đình: Chị Lã Thanh N phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010338 ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV8-ĐT;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Người yêu cầu chị Lã Thanh N;
- Người có QL, NVLQ ông Nguyễn Hồng T, Trịnh Thị B;
- UBND Phường S, tỉnh Đồng Tháp (UBND Phường A, TP. S, tỉnh Đồng Tháp cũ);
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Văn Tuấn Em